

PHỤ LỤC 01
công khai kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2025
của Ủy ban nhân dân phường)*

TT	Khối phường	Kinh phí	Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025	Ghi chú
01	Phường Đắk Bla	6.416.104.500	6.416.104.500	

PHỤ LỤC 02

công khai kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2025 của Ủy ban nhân dân phường)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thời việc	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
* PHƯỜNG ĐẮK BLA													6.416.104.500
L	NGHỈ THỜI VIỆC												6.416.104.500
1	Phòng Văn hóa - Xã hội												2.549.093.625
	Nguyễn Phi Hiền	08/05/1982		Chuyên viên Phòng Văn hóa- Xã hội	UBND phường Đăk Bla	10.705.500	20 năm 3 tháng	43 tuổi 3 tháng	01/9/2025			x	875.174.625
	Đào Thị Nhung Huyền	02/02/1980		Chuyên viên Phòng Văn hóa- Xã hội	UBND phường Đăk Bla	11.904.750	21 năm 7 tháng	45 tuổi 6 tháng	01/9/2025			x	999.999.000
	Trần Văn Phúc	10/10/1972		Chuyên viên Phòng Văn hóa- Xã hội	UBND phường Đăk Bla	9.360.000	13 năm 11 tháng	52 tuổi 10 tháng	01/9/2025			x	673.920.000
2	Văn phòng HĐND-UBND												1.840.731.750
	Nguyễn Thị Phương Ngọc	01/10/1989		Chuyên viên Văn phòng HĐND - UBND	UBND phường Đăk Bla	7.809.750	9 năm 7 tháng	35 tuổi 10 tháng	01/9/2025			x	515.443.500
	Trần Thị Thu	30/08/1984		Chuyên viên Văn phòng HĐND - UBND	UBND phường Đăk Bla	9.009.000	16 năm 3 tháng	41 tuổi 0 tháng	01/9/2025			x	682.431.750
	A Ron	10/07/1991		Chuyên viên Văn phòng HĐND - UBND	UBND phường Đăk Bla	9.740.250	9 năm 9 tháng	34 tuổi 01 tháng	01/9/2025			x	642.856.500
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị												999.999.000
	Nguyễn Thị Kim Hải	28/10/1978		Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	UBND phường Đăk Bla	11.904.750	21 năm 7 tháng	46 tuổi 10 tháng	01/9/2025			x	999.999.000
4	Văn phòng Đảng ủy												1.026.280.125
	Dương Thị Hoa	10/10/1979		Chuyên viên Văn phòng Đảng ủy	Đảng ủy phường Đăk Bla	12.109.500	22 năm 3 tháng	45 tuổi 10 tháng	31/8/2025			x	1.026.280.125